TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ XUYÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Bản án số: 01/2018/DS - ST
Ngày 01/2/2018
Về việc kiện đòi tài sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Đức Gương
2. Ông Nguyễn Lương Đức

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Anh Phương; Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Khích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01/2/2018 tại trụ sở TAND huyện Phú Xuyên để xét xử công khai vụ án thụ lý số: 20/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2017. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXX-DS ngày 05 tháng 1 năm 2018; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Xuân Th, sinh năm 1978.

Địa chỉ: TK Th, thị trấn M, huyện X, TP Hà Nội.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Phương Th, thuộc công ty Luật TNHH Trí Minh, Đoàn Luật sư Hà Nội

Và Bị đơn: Nguyễn Thị H; Sinh năm 1964.

Anh Phùng Văn H; Sinh năm 1960;

Đều có địa chỉ tại: TK Th, thị trấn M; huyện X, thành phố Hà Nội.

Trú tại : 4/100/đường S, phường Tr, quận Đ, Hà Nội. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh H; Luật sư Trương Xuân H, thuộc Văn phòng luật sư Gia Bảo, đoàn luật sư Hà Nội.

Anh Thủy, ông Thảo, anh Hải, ông Hải có mặt, chị Hà vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn đề khởi kiện ngày 12/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án tại toà, nguyên đơn anh Đỗ Xuân Th trình bày:

Ngày 22/10/2011, tại gia đình anh Phùng Văn H, chị Nguyễn Thị H, anh Th có cho vợ chồng anh Phùng Văn H và chị Nguyễn Thị H vay số tiền là 40.000.000đ thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, kỳ hạn vay 6 tháng. Tiếp đó đến ngày 10/11/2011 anh cho anh H, chị H vay tiếp số tiền 25.800.000đ thỏa thuận lãi suất theo lãi tiền gửi ngân hàng kỳ hạn vay 12 tháng. Tổng hai lần anh cho vợ chồng

anh H, chị H vay là 65.800.000đ. Tuy nhiên từ đó đến nay vợ chồng anh H, chị H chưa trả được anh một đồng nào cả gốc và lãi. Nay anh đề nghị Tòa buộc anh H, chị H phải trả nợ cho anh toàn bộ số tiền nợ gốc là 65.800.000đ, còn số tiền lãi anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp của nguyên đơn, ông Trần Phương Th có đồng quan điểm với nguyên đơn và yêu cầu cả anh H, chị H phải trả cho anh Th 65.800.000 đồng tiền gốc.

Phía bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị H thống nhất với anh Th về tổng số tiền vay 65.800.000đ cùng lãi suất, thời hạn vay đúng theo đúng thỏa thuận như anh Th đã trình bày. Số tiền vay nợ phần chị đã sử dụng vào mục đích làm ăn kinh tế gia đình, phần tôi đã cho chị Nguyễn Thị C vay lại để lấy lãi suất chênh lệch, do làm ăn thua lỗ và chị C không trả nợ nên dẫn đến việc chị không còn khả năng trả nợ cho nguyên đơn, chị H đồng ý trả số nợ gốc theo đề nghị của anh Th và xin không tính lãi.

Cũng như các vụ vay nợ khác, chị H cũng đề nghị Tòa không đưa anh H là chồng chị vào tham gia tố tụng với tư cách người có nghĩa vụ liên quan vì đây là cá nhân chị vay, không liên quan đến anh H.

Phía anh Phùng Văn H thống nhất quan điểm với chị H khi cho rằng việc nhận vay, gửi tiền là của cá nhân chị H, anh không liên quan gì kể cả về mặt cá nhân anh cũng như công ty, nên chị H mới là người phải có trách nhiệm trả cho phía nguyên đơn. Tuy nhiên, anh H cũng nhận trách nhiệm vì là vợ chồng, nên anh sẽ cố gắng cùng với chị H làm ăn, trả nợ cho nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phùng Văn H là ông Trương Xuân H có cùng quan điểm, đây là nợ riêng của chị H, anh H không liên quan gì, nên chỉ có chị H là người phải có trách nhiệm phải trả nợ cho nguyên đơn.

Phần tranh luận: Các đương sự giữ nguyên quan điểm của mình về việc kiện.

Đại diện VKSND huyện Phú Xuyên tham gia phiên toà phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định về thủ tục tố tụng của Pháp luật TTDS trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tham gia tố tụng. Đề nghị HĐXX, xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

Về nội dung: *Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu đòi tài sản của anh Đỗ Xuân Th, buộc anh Phùng Văn H và chị Nguyễn Thị H, phải trả anh Th 65.800.000 đồng tiền gốc. Chị H, anh H phải chịu án phí DSST theo qui định của pháp luật.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà. Trên cơ sở lời trình bày của đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Chị H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa xét xử vắng mặt, nên theo qui định của các điều 227, 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo qui định của pháp luật

Về Nội dung:

Về quan hệ pháp luật: Đây là việc kiện "đòi tài sản" cụ thể là anh Đỗ Xuân Th kiện đòi buộc anh H, chị H phải trả số tiền nợ gốc 68.500.000 đồng mà theo các bên xác nhận là anh Th cho anh H, chị H, vay vào các ngày 22/10 và 10/11/2011 theo giấy biên nhận của chị Nguyễn Thị H (sử dụng hóa đơn đảm bảo vàng của công ty).

Về thời hiệu khởi kiện: Theo qui định của điều 159 BLTTDS, thì đây là tranh chấp kiện đòi tài sản đang bị người khác chiếm hữu, nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do vậy, đơn khởi kiện đòi tài sản của anh Th được chấp nhận.

Về nội dung khởi kiện: Xét yêu cầu của anh Đỗ Xuân Th, kiện đòi anh H chị H phải trả số tiền nợ gốc 65.800.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của anh Th là có căn cứ và đúng pháp luật bởi lẽ:

Thứ nhất: Về số tiền phía bị đơn phải trả cho các bên đều thống nhất số tiền gốc là 65.800.000 đồng

Thứ hai: Về người phải trả, trong khi anh Th yêu cầu cả hai vợ chồng anh H, chị H phải cùng trả, thì anh H, chị H lại thống nhất chỉ chấp nhận để chị H phải trả với lý do, chị H mới là người đứng ra vay, anh H không liên quan gì, việc chị H dùng hóa đơn của công ty chỉ là tiện tay thì làm khi khách hàng đến giao dịch, hóa đơn để trên bàn nên cứ thế lấy để viết giấy vay nhận nợ với họ.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử không chấp nhận lý do này của anh H, chị H, vì quan hệ giữa anh H, chị H là quan hệ vợ chồng vợ chồng, mà theo điều 219 BLHS 2005 thì "Sở hữu chung vợ chồng là sở hữu chung hợp nhất" và "Vợ chồng cùng nhau tạo lập, phát triển....và có quyền ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung vợ chồng" cho nên số tiền dù là anh H, hay chị H nhận, vay, gửi của nguyên đơn phải được coi là tài sản chung vợ chồng, và đương nhiên, khi có công nợ phát sinh, thì nghĩa vụ phải trả nợ cũng là nghĩa vụ chung của vợ chồng, hơn nữa bản thân chị H xác nhận: "Số tiền vay nợ phần sử dụng vào mục đích làm ăn kinh tế gia đình, phần tôi đã cho chị Nguyễn Thị C vay lại để lấy lãi suất chênh lệch" theo kiểu "buôn tiền" càng chứng minh sự ràng buộc trong quyền lợi và nghĩa vụ của anh chị trong quan hệ giao dịch cụ thể này.

Thứ ba: Trong quá trình các cơ quan pháp luật điều tra, truy tố, xét xử vụ án Nguyễn Thị C lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà anh H, chị H là nạn nhân, ngoài đơn của trình báo của chị H, anh H cũng có đơn trình báo, tố cáo đối với Nguyễn Thị C chiếm đoạt của anh chị 4.100.000.000 đồng và 370 cây vàng, trong đó có số nợ của anh Th, và đề nghị các cơ quan pháp luật có biện pháp thu hồi để anh chị có tiền trả nợ cho những người mà anh chị đã vay của họ, điều đó đã chứng minh sự thống nhất về quyền và lợi ích của anh H, chị H, đối với số nợ trên. Cần thiết phải buộc anh H phải có nghĩa vụ cùng với chị H trả lại tài sản cho nguyên đơn.

Ngoài ra tại hồ sơ: Chị H còn sử dụng "*Hóa đơn đảm bảo vàng*" của Công ty Cổ phần vàng bạc đá quí H H để làm giấy biên nhận tiền gửi, phía anh Hải, chị H đều xác nhận, đây là giao dịch mang tính cá nhân do anh chị thực hiện chứ không sử dụng tư cách pháp nhân của công ty do anh là người đại diện theo pháp luật, bởi công ty của anh không có chứ năng nhận gửi hoặc vay tiền. Qua xem xét đăng ký kinh doanh của công ty, HĐXX cũng nhận thấy, công ty Cổ phần vàng bạc đá quí H H, đúng là không có chức năng gửi hoặc cho vay tiền. Phía nguyên đơn cũng xác nhận đem tiền gửi là gửi cá nhân anh H, chị H chứ không gửi cho công ty nào cả. Mặt khác, về hình thức của hóa đơn đảm bảo vàng là để phục vụ cho hoạt động kinh doanh mua bán vàng, song nội dung của hóa đơn là là xác nhận việc gửi, cho vay tiền, vàng, không có liên quan gì đến mục đích, nội dung, cột,

mục ghi trên hóa đơn. Nên về mặt pháp luật, Tòa án chỉ xem đây là giao dịch giữa các các nhân với nhau mà thôi.

Xét yêu cầu của nguyên đơn chỉ buộc phía bị đơn trả lại 65.800.000 đồng và không tính lãi là có căn cứ và đúng pháp luật. Tòa chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu của anh Thủy được chấp nhận, nên Tòa buộc anh H, chị H phải chịu 3.290.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, phía chị H mặc dù tại các phiên hòa giải, chị H xin miễn, giảm một phần án phí do làm ăn thua lỗ, nhưng lại không có đơn xin miễn giảm án phí theo qui định, nên Tòa án không chấp nhận đề nghị của chị H. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh Th.

Bởi những nhận định trên

TOÀ QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 471, điều 474, điều 298, điều 299, điều 302 BLDS 20055; Điều 159, điều 227, điều 228 Bộ luật TTDS 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Xuân Th.

Buộc anh Phùng Văn H và chị Nguyễn Thị H phải trả cho anh Đỗ Xuân Th **65.800.000** đồng (sáu mươi lăm triệu, tám trăm ngàn đồng) tiền nợ gốc.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, ngoài số tiền phải thi hành nêu trên, người phải thi hành án còn phải trả lãi, theo mức lãi xuất qui định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án có hiệu lực thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- ***Về án phí***: Buộc anh Phùng Văn H và chị Nguyễn Thị H phải chịu **3.290.000** đồng (*ba triệu, hai trăm, chín mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại anh Đỗ Xuân Th **1.465.000** đồng (*một triệu, bốn trăm, sáu mươi lăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí nộp tại phiếu thu số AE/2010/0004828 ngày 10/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**